

Bản án số: 358/2025/HC-PT

Ngày: 02 - 4 - 2025

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định
giải quyết khiếu nại và yêu cầu cấp giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2025/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2025, về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 815/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hứa Thanh H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Gia H1, chức vụ: Chủ tịch

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hồ Quang K, chức vụ: Phó Chủ tịch (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

3.2. Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước; người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Thành G, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thành H2, chức vụ: Phó Chủ tịch (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3.3. Bà Hứa Thị L, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số I, đường N, tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3.4. Ông Hứa Nghiệp Q, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3.5. Ông Hứa Nghiệp H3, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, đường H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3.6. Ông Hứa Nghiệp P, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số I, tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3.7. Ông Hứa Nghiệp D, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Số I, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Q, ông H3, ông P, ông D: Ông Hứa Thanh H4 (có mặt).

4. Người kháng cáo: ông Hứa Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện trình bày:

Khoảng trước năm 1972, cha mẹ của ông Hứa Thanh H là ông Hứa Nghiệp P1 (chết năm 2002) và bà Lý Thị T (chết năm 2015) khai phá một thửa đất (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có diện tích khoảng 95,3m², tọa lạc tại tổ I, ấp B, xã L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sông Bé (nay là tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước). Năm 1986, ông H bắt đầu quản lý và sử dụng thửa đất này, trên thửa đất đã có sẵn 01 cái giếng đào và 01 cây vú sữa (do cha ông H đào giếng và trồng cây). Năm 1996, Ủy ban nhân dân xã L (nay thuộc thị trấn L) yêu cầu ông H chặt cây vú sữa để tránh nguy hiểm cho các hộ dân lân cận. Năm 1997, ông H tiến hành mở rộng đường đi để tạo điều kiện cho các hộ dân xung quanh có đường đi song song đó ông H cũng tiến hành san lấp mặt bằng nên gốc cây vú sữa đã bị lấp nhưng riêng cái giếng vẫn còn giữ nguyên. Ông H sinh sống trên thửa đất từ khi ông H sinh ra cho đến nay. Quá trình sử dụng đất từ khoảng trước năm 1972 đến khi có Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước quy định về thuê nhà, đất năm 1992 và đến năm 1993 do cha mẹ ông H kê khai thuê và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đều hàng năm cũng như các khoản thu về công ích

và lệ phí khác do chính quyền địa phương phát động. Ông H sử dụng liên tục công khai, không tranh chấp với ai, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì gia đình ông H đủ điều kiện để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại Công văn số 77/UBND-KT ngày 24/10/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn nhận định rằng: *“Các giấy tờ, văn bản pháp lý liên quan đến hiện trạng thửa đất sử dụng và việc sử dụng thửa đất của gia đình ông H là chưa rõ ràng, nên việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H là không có căn cứ”*.

Ông H không đồng ý với nhận định trên của Ủy ban nhân dân thị trấn vì các giấy tờ, văn bản pháp lý liên quan đến hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông H đều theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể: Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất (căn cứ vào văn bản trả lời của Chi cục thuế L1-Bù Đốp số 1818/CCTKVLNBĐ-LXI ngày 02/11/2023 đã xác nhận từ năm 1993 gia đình ông H đã bắt đầu đóng thuế nhà đất cùng 01 số biên lai còn lưu giữ lại được); Giấy tờ từ trước năm 1976 đã bị thất lạc nhưng qua tra cứu tàng thư hộ khẩu theo giấy xác nhận số 12/2023/GXN của Công an huyện L ngày 30/10/2023 tại thời điểm ngày 10/12/1976, hộ gia đình ông H có 08 nhân khẩu và hiện nay vẫn thường trú tại địa chỉ thửa đất có diện tích nêu trên. Tuy nhiên, qua các thời kỳ thì về phần địa chỉ thửa đất sẽ có sự thay đổi nhưng về phần vị trí hiện trạng vẫn giữ nguyên không thay đổi (địa chỉ từ tổ I, ấp B, xã L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sông Bé nay đổi thành tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước); Ngày 30/6/1994, cha ông H đăng ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt số 624 của Điện lực S (nay đổi thành Điện lực Lộc Ninh) và vẫn sử dụng ổn định, liên tục đến nay và thanh toán tiền điện đầy đủ cho đến thời điểm hiện tại; Do trước đây các anh chị em trong gia đình tách ra ở riêng nhưng vẫn sử dụng chung 01 công tơ điện theo Hợp đồng số 624 dẫn đến quá tải cho nên đến ngày 09/01/2023 ông H đã tiến hành đăng ký sử dụng công tơ điện riêng theo Hợp đồng mua bán điện số 22/024585. (căn cứ theo xác nhận của Đ ngày 03/11/2023).

Từ những căn cứ nêu trên là cơ sở để chứng minh về thời điểm gia đình ông H sử dụng liên tục, công khai và ngay tình thửa đất trên, có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

Quyết định hành chính số 373/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L ngày 14/11/2022 và Quyết định hành chính số 3249/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ngày 16/10/2023 còn nhiều nội dung chưa được làm rõ và không tuân thủ đúng quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại. Bởi lẽ: Theo kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân thị trấn L thì Thanh tra huyện nhận định: *“Trong sổ Mục kê của Ủy ban nhân dân thị trấn L được lập và phê duyệt năm 2009, Sổ địa chính được lập năm 2003 và phê duyệt năm 2009 thể hiện thửa đất 130 tờ bản đồ số 30 là đất của Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý thuộc loại đất xây dựng có phần diện tích đất mà ông H đang khiếu nại và yêu cầu được*

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" nhưng lại mâu thuẫn với nhận định tiếp theo, cụ thể “*Về công tác quản lý, kiểm kê, sử dụng: Giai đoạn trước năm 2003 Ủy ban nhân dân thị trấn không cung cấp được hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác quản lý, sử dụng khu đất trên. Từ năm 2003 đến nay, Ủy ban nhân dân thị trấn C vào Sổ địa chính và Sổ mục kê để xác định thửa đất trên là do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý*”. Qua 02 nhận định trên của Thanh tra huyện cho thấy rằng: Ủy ban nhân dân thị trấn không có căn cứ để xác thực thửa đất trên do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý trong khi trước năm 2003 Ủy ban nhân dân thị trấn K cung cấp được hồ sơ, tài liệu chứng minh. Không cung cấp được tài liệu trước năm 2003 thì Ủy ban nhân dân thị trấn không có căn cứ để lập và duyệt vào Sổ mục kê. Ông Cao Thành G - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn cho biết: Từ thời điểm trước năm 2003 đến năm 2020 Ủy ban nhân dân thị trấn không thực hiện việc kiểm tra, lập báo cáo hay đăng ký nhu cầu sử dụng đối với thửa đất trên. Qua trả lời của ông G thì được hiểu là Ủy ban nhân dân thị trấn chưa tiến hành kiểm tra, lập báo cáo hay đăng ký nhu cầu sử dụng đất đối với hộ gia đình đang sinh sống từ trước năm 1972 cho đến nay đã tự ý tiến hành kê khai vào Sổ mục kê thửa đất trên do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý trong khi đó chưa tính đến xác nhận của Công an huyện L từ năm 1976 hộ khẩu gia đình ông H vẫn còn dữ liệu trong tàng thư hộ khẩu thì từ ngày 17/12/2003 hộ khẩu gia đình ông H đã cấp đổi theo quyền số 941 vẫn còn địa chỉ cũ tại tổ I, ấp B, thị trấn L, huyện L. Từ năm 2001-2005 gia đình ông H được Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” do Ủy ban nhân dân huyện K xác nhận vào năm 2004. Qua 02 lần kiểm tra của Ủy ban nhân dân thị trấn và Ủy ban nhân dân huyện Đ không có căn cứ để xác minh nguồn gốc thửa đất trên từ năm 2003 trở về trước. Ủy ban nhân dân thị trấn cũng không đưa ra được căn cứ, tài liệu hay lời khai chính xác của những hộ dân xung quanh thửa đất thuộc sở hữu của hộ gia đình ông H để khẳng định cây vú sữa mọc hoang và cái giếng không phải do cha ông H để lại. Các biên lai đóng tiền thuế đều khẳng định do gia đình ông H đóng theo đúng quy định tuy nhiên do về phần địa chỉ thửa đất có sự thay đổi nhưng về phần vị trí hiện trạng vẫn giữ nguyên không thay đổi. Từ những căn cứ nêu trên ông H cho rằng Ủy ban nhân dân thị trấn làm việc chỉ dựa trên những lời khai mà không tiến hành xác minh thực địa, không xác minh lại những thông tin được người dân cung cấp dẫn đến sự nhầm lẫn trong việc xác định nguồn gốc thửa đất và vị trí nhà máy điện. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân huyện cũng đã nhận thấy được lỗi sai của Ủy ban nhân dân thị trấn, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện K không có hướng giải quyết hay khắc phục những lỗi sai nêu trên đồng thời vẫn không tiến hành kiểm tra thông tin liên quan đến thửa đất trước năm 2003 để khắc phục và có văn bản trả lời thỏa đáng cho gia đình ông H mà vẫn đưa ra nhận định theo lỗi sai của Ủy ban nhân dân thị trấn là căn cứ theo Sổ mục kê và Sổ địa chính (trong khi cả Ủy ban nhân dân thị trấn cũng như Ủy ban nhân dân huyện đều không đưa ra được căn cứ thỏa đáng tại thời điểm kê khai thửa đất gia đình ông H vẫn đang sử dụng ổn định từ trước năm 1972 cho đến nay) là thửa đất của gia đình ông H do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý, thửa đất của gia đình ông H vẫn không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên:

1. Hủy Quyết định hành chính số 3249/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước ngày 16/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hứa Thanh H (lần hai).

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 95,3m² trong tổng diện tích 504,6m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 được đăng ký tại Sổ mục kê năm 2003 của Ủy ban nhân dân thị trấn L; đất tọa lạc tại tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Tại phiên tòa, ông H thay đổi, chỉ yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 93m² theo Mảnh trích đo địa chính số 11-2024, hệ tọa độ VN-2000, khu phố N, tờ bản đồ số 30 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B phê duyệt ngày 17/9/2024.

Tại các văn bản trình bày ý kiến người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Hồ Quang K trình bày:

Ngày 22/8/2022, Ông Hứa Thanh H ngụ tại tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L làm đơn xin cấp giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 93m² là một phần diện tích tại thửa đất số 130 tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại đường N, thuộc tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L. Ủy ban nhân dân thị trấn L tiến hành xác minh và có Công văn số 77/UBND-KT ngày 24/10/2022 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông H. Qua đó, Ủy ban nhân dân thị trấn trả lời cho ông H về việc cung cấp thông tin nguồn gốc thửa đất chưa chính xác, mặt khác nội dung các giấy tờ, văn bản pháp lý liên quan đến hiện trạng sử dụng đất chưa rõ ràng nên việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ giải quyết. Không đồng ý nội dung có Công văn số 77/UBND-KT ngày 24/10/2022 ông H làm đơn khiếu nại. Ngày 14/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H (lần đầu). Không đồng ý với Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 ông H làm đơn khiếu nại. Ngày 16/10/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3249/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hứa Thanh H (lần hai).

Nội dung Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L. Ông H yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết khiếu nại lần hai về việc giải quyết thủ tục hành chính đối với đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông theo quy định của pháp luật (là một phần của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30) tọa lạc tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Ủy ban nhân dân thị trấn đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự quy định tại Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại. Tuy nhiên, khi tiến hành xác minh, Tổ xác minh đơn của Ủy

ban nhân dân thị trấn đã không tiến hành xác minh thực địa, không xác minh lại những thông tin được người dân cung cấp, chỉ tiến hành mời các hộ dân cung cấp thông tin để xác nhận thông tin, dẫn đến sự nhầm lẫn trong việc xác định nguồn gốc thửa đất và vị trí nhà máy P2.

Qua kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân thị trấn, các hộ dân sống lâu năm gần thửa đất và xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan nhận thấy thửa đất hộ ông H đang khiếu nại có nguồn gốc lấn chiếm đất do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý trước ngày 01/7/2014. Khu vực đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 trước thời điểm vào Sổ địa chính để theo dõi biến động thì thửa đất trên chưa được Ủy ban nhân dân thị trấn xác định mục đích sử dụng, nên trong quá trình quản lý đã thiếu công tác kiểm tra hàng năm để các hộ dân có đất xung quanh lấn chiếm và sử dụng. Theo Sổ mục kê và Sổ địa chính đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh phê duyệt thì Ủy ban nhân dân thị trấn L từ 2003 đến nay đã xác định khu vực đất trên là đất do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý sử dụng vào mục đích xây dựng cơ bản. Ngày 07/9/2020, Ủy ban nhân dân thị trấn có Báo cáo số 71/BC-UBND về tình hình quản lý quỹ đất công trên địa bàn thị trấn L, trong đó có đưa thửa đất trên quản lý theo diện đất công và ngày 11/10/2022 đã đăng ký nhu cầu sử dụng thửa đất 130 tờ bản đồ số 30 là đất văn hóa, thể thao. Như vậy, việc ông H lấn, chiếm diện tích đất khoảng 93m² tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Đất đai; việc ông H đã sử dụng diện tích đất từ nhiều năm mà chưa được Ủy ban nhân dân thị trấn xử lý cho thấy việc thiếu kiểm tra trong công tác quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân thị trấn trong khoảng thời gian khá dài. Hiện nay, Ủy ban nhân dân thị trấn đã có mục đích sử dụng cụ thể đối với khu đất trên, nên xét thấy hiện nay việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là chưa đủ điều kiện theo quy định pháp luật, do đó chưa thể thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã quyết định: *“Công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại của ông Hứa Thanh H về việc sử dụng đất của ông; Công nhận một phần Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thị trấn L giải quyết đơn khiếu nại của ông Hứa Thanh H về nội dung không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bác nội dung yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hứa Thanh H; Hủy một phần Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thị trấn giải quyết đơn khiếu nại của ông Hứa Thanh H về nội dung xác định nguồn gốc khu đất ông H sử dụng trước đây là sân bóng và nhà máy P2”*. Nay ông H khiếu kiện Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 95,3m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30, tọa lạc khu phố N, thị trấn L là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết vụ án theo đúng quy định.

Tại văn bản trình bày ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Thành H2 trình bày:

Ủy ban nhân dân thị trấn L vẫn giữ quan điểm đây là thửa đất công cộng có phần đất liền kề là đường đi bao quanh ngăn cách với đất các hộ dân lân cận. Năm 2002 đến năm 2003 thị trấn L được thực hiện đo đạc và công bố số liệu bản đồ chính quy thì trong Sổ mục kê và Sổ địa chính không đăng ký tên ai và phần đất này vẫn do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 diện tích 504,6m², mục đích chuyên dùng là xây cơ bản. Tại thời điểm này trên hồ sơ địa chính vẫn ghi nhận là đất trống. Căn cứ vào kết quả xác minh từ những người sống lâu năm, sinh sống cùng thời điểm hình thành thửa đất và đối chiếu các hồ sơ, tài liệu có liên quan, Ủy ban nhân dân thị trấn đã có văn bản trả lời từ chối việc xét duyệt nguồn gốc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hứa Thanh H. Sau khi nhận được văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân thị trấn ông H không đồng ý với nội dung văn bản trả lời, ông H tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn. Theo thẩm quyền Ủy ban nhân dân thị trấn tiếp nhận và giải quyết vụ việc. Trình tự thủ tục và hình thức giải quyết được thực hiện theo Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính Phủ. Sau khi tiếp nhận và giải quyết, Ủy ban nhân dân thị trấn đã thành lập Tổ xác minh để xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông H. Căn cứ vào báo cáo kết quả xác minh và các thông tin, tài liệu có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 để giải quyết khiếu nại cho ông H với nội dung bác khiếu nại. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông H, để Ủy ban nhân dân thị trấn lập kế hoạch sử dụng đất xây dựng công viên phục vụ đời sống tinh thần theo nhu cầu của nhân dân tại khu vực này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị L, ông Hứa Nghiệp Q, ông Hứa Nghiệp H3, ông Hứa Nghiệp P, ông Hứa Nghiệp D, bà Trần Thị Ngọc M (vợ ông H) trình bày: Đề nghị Tòa án không xác định các đương sự nêu trên vào tham gia tố tụng trong vụ án và thống nhất với lời trình bày của ông Hứa Thanh H.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được, do đó Tòa án nhân dân tỉnh đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; Điều 358 và Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 7, 9, 18, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Điều 13 Luật Đất đai năm 1987; Điều 8 Nghị định số 30 ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng (Thi hành luật Đất đai năm 1987); các Điều 99, Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Thanh H, về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 3249/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước ngày 16/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hứa Thanh H, địa chỉ: Tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với phần diện tích 93m² trong tổng diện tích 504,6m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 được đăng ký tại sổ mục kê năm 2003 của Ủy ban nhân dân thị trấn L; đất tọa lạc tại tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Theo Mảnh trích đo địa chính số 11-2024, hệ tọa độ VN-2000, khu phố N, tờ bản đồ số 30 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B phê duyệt ngày 17/9/2024 kèm theo).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/11/2024, ông Hứa Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, cụ thể đề nghị xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Bá T1, anh Nguyễn Anh K1 về việc cái giếng không phải do cha mẹ ông H đào là không có căn cứ. Mảnh đất mà ông H khởi kiện là Ủy ban nhân dân thị trấn đang tranh chấp với gia đình ông H. Ủy ban nhân dân thị trấn có thương lượng với gia đình ông H lấy phần đất khoảng 500m² để tặng cho các gia đình liệt sỹ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp cho người bị kiện là ông Hồ Quang K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào sổ mục kê và sổ địa chính xác định diện tích 500m² là đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn Q. Do đó, Ủy ban nhân

dân huyện L bác khiếu nại của ông H là có căn cứ. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hứa Thanh H là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét Quyết định số 3249:

[2.1.1] Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Thẩm quyền ban hành: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3249 để giải quyết khiếu nại của ông H khiếu nại đối với Quyết định số 373 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại.

Trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại Quyết định số 373 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc từ chối thực hiện thủ tục hành chính đối với đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông H. Sau khi xác minh nội dung đơn khiếu nại, ngày 28/7/2023 Thanh tra huyện ban hành Báo cáo số 40/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông H. Trên cơ sở Báo cáo số 40 của Thanh tra huyện, ngày 16/9/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 3249 về việc giải quyết khiếu nại của ông H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

[2.1.2] Thời hạn, thời hiệu ban hành:

Thời hạn ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại ngày 28/11/2022 của ông H, ngày 12/12/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 5651 về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại; ngày 13/12/2022 Ủy ban nhân dân huyện B Thông báo số 533 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai); ngày 28/7/2023 Thanh tra huyện ban hành Báo cáo số 40; ngày 16/9/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3249 là chưa đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại.

Thời hiệu ban hành: Ngày 28/11/2022, ông H làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là còn trong thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại. Do đó, việc thụ lý và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đối với ông H là đúng quy định pháp luật.

[2.1.3] Về nội dung Quyết định số 3249:

Nguồn gốc đất, tại phiên tòa, ông H cho rằng thửa đất trên do cha mẹ ông khai phá từ trước năm 1972 để lại, trong quá trình sử dụng đã kê khai thuế và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đều hàng năm cũng như các khoản thu về công ích và lệ phí khác do chính quyền địa phương phát động. Cha ông H đã đăng ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt và vẫn sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay. Do đó, đủ cơ sở để chứng minh về thời điểm gia đình ông H quản lý, sử dụng liên tục, công khai và ngay tình đối với thửa đất trên nên ông có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định:

Khu vực đất thuộc thửa đất 130, tờ bản đồ số 30 mà ông H đang khởi kiện trước thời điểm vào sổ địa chính để theo dõi biến động xác định thửa đất này là đất trống chưa được Ủy ban nhân dân thị trấn xác định mục đích sử dụng nên để các hộ dân có đất xung quanh lấn chiếm và sử dụng. Phù hợp với kết quả xác minh từ những người sống lâu năm, sinh sống cùng thời điểm hình thành thửa đất như ông Nguyễn Bá T1, bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn T2 xác định (bút lục 137-139).

Căn cứ vào sổ mục kê đất và sổ địa chính đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh phê duyệt tại quyển số 13, tờ bản đồ số 30, 31; địa chỉ thị trấn L, huyện L do Ủy ban nhân dân thị trấn L cung cấp (bút lục 219-220) thể hiện từ năm 2003 đến nay, toàn bộ thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 có diện tích 504.6m² là đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý sử dụng vào mục đích xây dựng cơ bản. Do đó, căn cứ theo quy định người bị kiện xác định nguồn gốc đất của ông H đang khởi kiện thuộc đất công và không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

Sau khi thụ lý khiếu nại của ông H, Ủy ban nhân dân thị trấn và Thanh tra huyện đã lập biên bản xác minh ngày 05/10/2022 về nguồn gốc thửa đất số 130, tờ bản đồ 30 đường N, tổ H, khu phố N thì ông H còn xây nhà sau thời gian khoảng năm 2004-2005, sau thời gian Ủy ban nhân dân thị trấn đăng ký vào sổ địa chính xác lập đất công. Còn về giếng đào thì ông Nguyễn Anh K1 xác định tại biên bản xác minh ngày 03/11/2022 do người khác đào chứ không phải do gia đình ông H đào. Ngoài ra, diện tích đất mà ông H đang sử dụng không được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất theo quy định, không có văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về quá trình sử dụng diện tích đất, trong quá trình giải quyết ông H cũng không cung cấp được bất cứ hồ sơ, giấy tờ liên quan chứng minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và diện tích đất ông đang khởi kiện theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Ông H cho rằng đã quản lý, sử dụng thửa đất của ông Hứa Nghiệp P1 từ năm 1986 đến nay, ngoài thửa đất này ông P1 không còn thửa đất nào khác. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định quá trình sinh sống tại huyện L, ông P1 có 04 thửa đất đều cùng ở khu phố N, thị trấn L, huyện L, trong đó ông P1 đứng tên 1 thửa (thửa đất số 110, tờ bản đồ 30, sau này để lại thừa kế cho Hứa Nghiệp D), còn lại 03 thửa thì các con ông P1 đứng tên gồm ông

Hứa Nghiệp P (thửa số 131, tờ bản đồ số 30), ông Hứa Nghiệp H3 (thửa đất số 145, tờ bản đồ 30) và ông Hứa Nghiệp Q (thửa đất số 4, tờ bản đồ 32), các thửa đất này đều được đo đạc chính quy lần đầu vào tháng 4 năm 2002 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 31/12/2003. Khi cơ quan nhà nước tiến hành đo đạc khu vực chợ L2, nơi gia đình ông P1 cùng các con (trong đó có ông H) sinh sống, biết việc nhà nước đo đạc chính quy, trong đó ông P1 và 03 người anh của ông H đã đăng ký, kê khai, ông H cùng sinh sống trong gia đình lại không đăng ký một phần của thửa đất số 130, tờ bản đồ 30 mà ông H đang sử dụng. Đến năm 2022 ông H mới làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này. Do đó, có thể khẳng định phần diện tích đất mà ông H đang khởi kiện là đất công và thực tế tại thời điểm đó là đất trống, không có người sử dụng nên không ai đăng ký, kê khai. Ủy ban nhân dân thị trấn đã đăng ký vào sổ mục kê, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh phê duyệt là đúng quy định. Về hiện trạng tài sản trên đất được Ủy ban nhân dân thị trấn xác định: “*không có nhà, chỉ có 1 khung tiền chế lợp tôn không vách*” (bút lục 92,172), đối chiếu phù hợp với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh (bút lục 246-247), thể hiện trên phần diện tích đất mà ông H đang khởi kiện có 01 mái che lợp tôn, cột sắt dạng tiền chế và 01 giếng nước đào, không có công trình nhà cửa kiên cố, không có vách ngăn tường, không có công trình phụ, không có các vật sinh hoạt hàng ngày. Ông H thừa nhận trong quá trình sử dụng thửa đất ông không tiến hành xây dựng công trình nhà cửa kiên cố vì khi ông định tiến hành xây dựng thì các cơ quan chức năng ở địa phương xuống cản trở không cho ông tiến hành xây dựng. Như vậy, chứng tỏ ông H cũng biết được phần đất này thuộc đất công có Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H cho rằng cha mẹ ông đã kê khai thuế và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đều hàng năm cũng như các khoản thu về công ích và lệ phí khác do chính quyền địa phương phát động. Ông P1 đã đăng ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt và vẫn sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay thể hiện tại Công văn số 1818/CCTKVLNBĐ-LXI ngày 02/11/2023 của Chi cục thuế khu vực L1 (bút lục 33) và Tờ khai nộp thuế đất ngày 28/7/1993 của ông Hứa Nghiệp P1 địa chỉ: A L, L, Sông B đối với vị trí thị trấn thuộc lô đất số nhà số D, tổng diện tích đất sử dụng là 79m² (bút lục 30). Tuy nhiên, thời điểm này tên hành chính thị trấn L chưa được thành lập, bởi theo Nghị định 101/CP ngày 29/8/1994 thì thị trấn L mới được thành lập và diện tích 79m² này được ông Hứa Nghiệp Q kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 4 tờ bản đồ 32 với nguồn gốc thửa đất do cho cha mẹ (ông P1, bà T) tặng cho ông Q. Còn lại phần lớn các biên lai đóng thuế do ông P nộp và ông P cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 131 tờ bản đồ 30. Còn các biên lai thực hiện nghĩa vụ tài chính khác đều không thể hiện rõ vị trí, số thửa, số tờ bản đồ đối với thửa đất nộp thuế, do đó, không có cơ sở để xác định việc kê khai và nộp thuế theo các biên lai trên có liên quan đến thửa đất nào. Ngoài ra, theo kết quả kiểm tra việc sử dụng điện ngày 13/01/2023 của Điện lực Đ cho thấy việc đăng ký sử dụng điện của ông P1 từ năm 1994 đến nay được ông P1 sử dụng để sinh sống tại thửa đất số 110, tờ

bản đồ số 30, diện tích 50m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khu phố N, thị trấn L, sau khi ông P1 chết ông Hứa Nghiệp D nhận thừa kế thừa đất này và tiếp tục sử dụng hệ thống công tơ điện đã đăng ký của ông P1. Hệ thống công tơ điện này không liên quan đến phần diện tích đất 95,3m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 mà ông H đang khởi kiện.

Thửa đất của ông H không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và cũng không được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định nêu trên nên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy Quyết định số 3249 là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[2.2] Về quyết định hành chính có liên quan: Đối với Quyết định số 373 và Công văn số 77.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 3249 về việc giải quyết khiếu nại của ông H là đúng quy định pháp luật, nên Quyết định số 373 và Công văn số 77 được ban hành trả lời kiến nghị đối với ông H đối với phần nội dung không chấp nhận yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là có cơ sở. Đối với việc giải quyết khiếu nại lần 1 ông H khiếu nại toàn bộ Công văn số 77 nhưng lại yêu cầu: *“chính quyền địa phương xem xét, giải quyết nếu thu hồi đất của gia đình ông H thì phải hỗ trợ bồi thường, tái định cư hợp lý cho gia đình ông”* là không đúng nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn không hướng dẫn, yêu cầu ông H sửa đổi lại đơn, yêu cầu khiếu nại cho đúng mà vẫn xem xét thụ lý giải quyết là chưa phù hợp. Về hình thức Công văn số 77 do Phó Chủ tịch thị trấn ký mà không thay mặt Ủy ban nhân dân, ký thay Chủ tịch là không đúng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chỉ nêu ra đánh giá để có căn cứ giải quyết vụ án chứ không xem xét việc giữ nguyên hay hủy bỏ các quyết định, công văn này.

[3] Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với phần diện tích 93m² trong tổng diện tích 504,6m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 được đăng ký tại sổ mục kê năm 2003 của Ủy ban nhân dân thị trấn L; đất tọa lạc tại tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Ông H không cung cấp được các giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43 và cũng không chứng minh được ông H sử dụng ổn định diện tích đất nêu trên từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch. Ngoài ra, theo sổ mục kê đất và sổ địa chính đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh phê duyệt thì toàn bộ thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 có diện tích 504.6m² là đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn L quản lý sử dụng vào mục đích xây dựng

cơ bản. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Thanh H là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, phía người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hứa Thanh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hứa Thanh H.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2024/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Thanh H, về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 3249/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước ngày 16/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hứa Thanh H, địa chỉ: Tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với phần diện tích 93m² trong tổng diện tích 504,6m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 30 được đăng ký tại sổ mục kê năm 2003 của Ủy ban nhân dân thị trấn L; đất tọa lạc tại tổ H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Theo Mảnh trích đo địa chính số 11-2024, hệ tọa độ VN-2000, khu phố N, tờ bản đồ số 30 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B phê duyệt ngày 17/9/2024 kèm theo).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hứa Thanh H phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Hứa Thanh H đã nộp theo biên lai số 0000076 ngày 27/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước; (ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt